

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/DS-PT
Ngày 06 - 4 - 2022
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng
đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng;
Bà Nguyễn Thị An Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị Hoài L, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 5, ấp P L, xã PV, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Cao Thị Hoài D, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 5, ấp P L, xã PV, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Phạm Văn Tình, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 192/4B, khu phố Ninh An, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2.2. Ông Võ Văn A, sinh năm 1959 (đã chết ngày 12-01-2022).

2.3. *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn A:*

2.31. Chị Võ Thị Hồng Cần, sinh năm 1980;

2.32. Chị Võ Thị Hồng Nh, sinh năm 1983;

2.3.3. Anh Võ Trường Đ, sinh năm 1989;

2.34. Anh Võ Trường S, sinh năm 1985;

2.35. Anh Võ Trường T, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: ấp P L, xã PV, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; chị C, chị Nh, anh Đ, anh S, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo:

- Bà Cao Thị Hoài L - Nguyên đơn;

- Bà Cao Thị Hoài D - Bị đơn.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - bà Cao Thị Hoài L trình bày:

Năm 1998, bà có mua của bà Nguyễn Thị B một phần đất có chiều ngang 4,6 m, dài 08 m để làm tạm nền nhà ở, sau đó bị nhà nước làm đường hết diện tích phần đất này nên bà mua thêm của bà B một phần nữa diện tích bao nhiêu không nhớ (bà B là mẹ ruột ông Trần Văn B1), đất là ông B1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ). Năm 1998, bà đăng ký sau khi trừ lộ giới thì đất bà được cấp GCNQSDĐ thừa 3595 diện tích 56m², tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp P L, xã PV, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, do trong giấy đất ghi sai chữ lót (ghi tên Cao Thị L trong khi bà tên Cao Thị Hoài L) nên năm 2014 bà có yêu cầu đính chính lại cho đúng. Sau đó, bà được cấp đổi lại giấy đất theo bản đồ mới (sau khi trừ lộ giới 22 m) diện tích đất bà còn lại là 50,9 m², tại thửa số 32, tờ bản đồ số 78. Năm 2017, bà xây nhà ở có chừa ra mặt hậu hơn 01 m chiều dài, có lót gạch. Trong năm 2017, bà D, ông A xây nhà đã đập bỏ gạch lót và xây hàng rào luôn phần diện tích đất bà đã chừa ra và lấn chiếm diện tích khoảng hơn 04 m².

Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông A, bà D đập bỏ hàng rào trả lại diện tích đất lấn chiếm cho bà tổng cộng là 3,6 m² (theo sơ đồ hiện trạng do Công ty Bình An đo vẽ). Bà chỉ lấy lại đất không nhận giá trị vì không có không gian gắn máy lạnh.

Bị đơn - bà Cao Thị Hoài D và đại diện ủy quyền của bà D là ông Phạm Văn Tình trình bày:

Ông A, bà D là vợ chồng. Phần đất ông, bà đang sử dụng mà bà L đang tranh chấp có nguồn gốc là mua của ông Trần Văn B 1 và bà Phan Thị Ch vào năm 1998. Việc mua bán hai bên có làm giấy tay, hiện tại bà chưa chưa đăng ký. Đất này liền ranh với đất của bà tại thửa số 59, tờ bản đồ số 30 diện tích 732 m² do chồng bà là ông Võ Văn A đứng tên GCNQSDĐ số

00281QSDD/2071/2003/QĐ-CT HL, ngày 17 tháng 12 năm 2003, bà sử dụng đúng diện tích không lấn chiếm đất bà L.

Nay bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, ông A, bà D có đơn khởi kiện phản tố yêu cầu bà L trả cho bà diện tích đất là 21,1 m² trong một phần thửa số 32, tờ bản đồ số 78. Cụ thể: Đất bà L được cấp lại năm 2014 diện tích nhiều hơn giấy đất của bà L được cấp năm 1998, tăng 23,7 m² (trong đó bà L thực tế đang xây nhà sau là 21,1 m², đang tranh chấp với bà 2,6 m²). Cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm cấp đổi không tiến hành thẩm tra, xác minh diện tích, ranh giới, tứ cận nên ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy 01 phần GCNQSDĐ số CH 01865 của bà L đối với phần diện tích 23,7 m². Chứng cứ chứng minh diện tích 23,7 m² là giấy tay bà mua đất của bà Phan Thị Ch, ông Trần Văn B1.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 166, 174, 175 và 176 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 100, 166 và 203 Luật Đất đai; Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội...

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Cao Thị Hoài L đối với vợ chồng ông Võ Văn A và bà Cao Thị Hoài D.

Buộc ông Võ Văn A và bà Cao Thị Hoài D trả lại diện tích đất 3,6 m² tại thửa số 32 tờ bản đồ số 78, trị giá bằng tiền là 5.385.769 (năm triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi chín) đồng cho bà Cao Thị Hoài L.

Giữ nguyên hiện trạng đất, hàng rào xây của gia đình ông A, bà D và nhà đã xây của bà L.

Giao lại phần diện tích 3,6 m² tại thửa số 32 tờ bản đồ số 78 trên cho vợ chồng ông A, bà D sử dụng (có ghi tứ cận đất).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Văn A và bà Cao Thị Hoài L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 04 - 01 - 2022, bị đơn kháng cáo: Không đồng ý khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 04 - 01 - 2022, nguyên đơn kháng cáo: Yêu cầu buộc bị đơn trả đất, không nhận giá trị.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo vì không lấn đất, sử dụng đúng vị trí, yêu cầu chấp nhận phản tố.

Phản tranh luận, ông Trình trình bày: Bà L được cấp GCNQSDĐ năm 1998, diện tích 56 m², năm 2014 được cấp đổi diện tích tăng thêm 23,7 m² nên bà L không bị mất đất phía sau. Các nhân chứng khẳng định đất bà L được cấp không đúng vị trí. Bà D xây tường rào năm 2010 trước khi bà L được cấp đổi nên căn cứ Điều 175 của Bộ luật Dân sự đề nghị Tòa công nhận ranh giới đất của các bên, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Bà D trình bày bổ sung: Phần đất diện tích 21,1 m² bà phản tố đòi bà L trả là do bà mua của bà Ch, ông B1 có giấy tay gửi Tòa án, đất này bà chưa đăng ký hiện nằm trong giấy đất của bà L, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà.

Bà L trình bày: Bà D xây bức tường lần đầu năm 2010, hai bên có ra chính quyền hòa giải, chính quyền không cho xây dựng giữ nguyên hiện trạng, năm 2017 bà D xây tiếp đoạn tường thứ 2 lúc đó bà không có mặt, ban đầu bà dự định đất không lớn nghĩ tình chị em ruột nên không nói gì nhưng khi bà gần máy lạnh cục nóng bên ngoài bà D không cho nên bà khởi kiện.

** Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Chấp nhận kháng cáo của bà L, không chấp nhận kháng cáo của bà D, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa án sơ thẩm; buộc bà D phải trả đất cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Các đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 12-01-2022 bị đơn ông Võ Văn A chết. Tòa án đưa các con ông là chị Võ Thị Hồng C, chị Võ Thị Hồng Nh, anh Võ Trường Đ, anh Võ Trường S, anh Võ Trường T tham gia tố tụng kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông A là phù hợp tại Điều 74 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Chị Võ Thị Hồng C, chị Võ Thị Hồng Nh, anh Võ Trường Đ, anh Võ Trường S, anh Võ Trường T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Bà Cao Thị Hoài L khởi kiện cho rằng vợ chồng ông Võ Văn A, bà Cao Thị Hoài D đã xây tường rào lấn sang đất của bà theo kết quả đo

đặc diện tích 3,6 m². Bà yêu cầu bà D, ông A tháo dỡ vách tường trả lại diện tích đất trên. Bà D không đồng ý, cho rằng sử dụng đất đúng diện tích, không lấn chiếm đất, đồng thời phản tố yêu cầu bà L trả cho bà 21,1 m² đất hiện bà L đã xây nhà ở.

[3]. Xét kháng cáo của các bên đương sự thấy rằng:

[3.1]. Về chứng cứ: Bà L nhận chuyển nhượng đất từ bà B nhiều lần không rõ diện tích bao nhiêu. Năm 1998, bà đăng ký và được cấp GCNQSDĐ diện tích 56 m² tại thửa 3595, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp PL, xã PV, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Năm 2014, do sai chữ lót trong GCNQSDĐ. Năm 2014, bà có yêu cầu đính chính lại cho đúng. Sau đó, bà được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp đổi lại giấy đất theo bản đồ mới (sau khi trừ lộ giới 22m) diện tích đất bà còn lại là 50,9m², tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 78, phù hợp với nội dung Biên bản xác minh ngày 24/6/2021 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh huyện Châu Thành (bút lục 267) *“việc cấp GCNQSDĐ cho bà L vào năm 2014, diện tích đất cấp cho bà L trong GCNQSDĐ trong đó đã trừ quy hoạch lộ giới 22,5m”*.

[3.2]. Kết quả đo đạc đất tranh chấp xác định phần đất 3,6 m² hiện tranh chấp nằm trong GCNQSDĐ của bà L, vị trí hậu cuối hướng Nam và chiều dài hướng Tây theo sơ đồ đo đạc (bút lục 147). Đất bà D, ông A sử dụng 818,1 m² thửa 85,9 m² so với GCNQSDĐ được cấp tại thửa 59, diện tích 732 m². Đối chiếu với hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông A tại trích lục bản đồ ngày 30/5/2002 thể hiện phần đất bà L thửa đất số 32 liền kề có số đo hậu cuối hướng Nam là 4,95 m (nay còn lại 4,12 m). Phần đất bà L bị thiếu hiện vợ chồng ông A đã sử dụng xây tường rào lấn chiếm áp sát vách tường nhà bà L. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3.3]. Đối với yêu cầu phản tố của bà D đòi bà L trả lại diện tích 21,1 m² trong thửa đất số 32, tờ bản đồ số 78. Trong quá trình giải quyết bà D cho rằng đất này bà mua của ông B1 và bà Ch thể hiện tại giấy tay mua bán được trích dẫn như sau: Năm 1996, bà D mua đất của bà Phan Thị Ch *“một cái hố bom không rõ diện tích”* (bút lục 282). Năm 1999, bà B1 bà Ch bán tiếp cho ông A, bà D phần đất ghi *“khúc sau”* (bút lục 281) cũng không rõ diện tích. Ông A, bà D không làm thủ tục đăng ký phần đất mua của ông B1, bà Ch mặc dù năm 2003 ông A đăng ký thửa đất số 59, diện tích 732 m², tờ bản đồ số 30 và được cấp GCNQSDĐ liền kề với diện tích đất 21,1 m² tranh chấp với bà L. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà D không có chứng cứ gì chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà, đất được cấp cho bà D, ông A không bị thiếu và không trùng với diện tích đất được cấp cho bà L. Việc bà L được Nhà nước cấp đất không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của bà D, hiện đất này bà L đã xây nhà ở kiên cố từ năm 2017, bà D không có tranh chấp. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng bà D là có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D.

[3.4]. Xét kháng cáo của bà L yêu cầu ông A, bà D phải tháo dỡ tường rào xây dựng trên phần đất lấn chiếm 3,6 m², nhận thấy: Năm 2017, khi bà D xây dựng tường rào bà L không biết nên không ngăn cản, việc xây dựng tường rào của bà D lấn vào đất bà L làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của bà L nhằm tạo sự kiện đã rồi trong khi đất đang tranh chấp. Cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông A, bà D phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất 3,6 m² thành tiền 5.385.000 đồng là không đảm bảo quyền lợi của bà L. Qua thẩm định bức tường một đoạn cao 1,83 m x (dài 6,19 m + 3,56 m) x ngang 0,1 m, đoạn còn lại cao 2,11 m x dài 1,1 m x ngang 0,1 m, xây dựng trong phần đất tranh chấp diện tích 3,6 m² nêu trên, bức tường không gắn liền với kết cấu nhà của bà D. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bà L, buộc bà D và các con bà D, ông A phải có nghĩa vụ tháo dỡ thu dọn bức tường rào nêu trên trả lại cho bà L diện tích 3,6 m² đất đã lấn chiếm là có căn cứ theo quy định tại Điều 166 của Luật Đất đai, Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

[4]. Về chi phí tố tụng khác:

[4.1]. Chi phí đo đạc, sao lục hồ sơ, thẩm định đất tại chỗ là 4.695.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên ông A, bà D phải chịu chi phí này là phù hợp. Số tiền này bà L đã thanh toán nên bà D phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L.

[4.2]. Bà D phải chịu chi phí thuê Công ty Bình An đo đạc lại đất và Công ty thẩm định giá, ghi nhận bà D đã nộp xong.

[4.3]. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà L có yêu cầu thẩm định lại tài sản trên đất, chi phí thẩm định 2.000.000 đồng bà L nhận chịu ghi nhận đã thanh toán xong.

[5]. Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm.

[6]. Về án phí: Bà L không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Ông A, bà D được miễn án phí theo quy định.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Do kháng cáo được chấp nhận nên bà L không phải chịu.
- Bà D được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Cao Thị Hoài D;
Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Cao Thị Hoài L;

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 của Luật Đất đai; Điều 144, 147, 158, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Cao Thị Hoài L đối với bà Cao Thị Hoài D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn A gồm: Chị Võ Thị Hồng C, chị Võ Thị Hồng Nh, anh Võ Trường Đ, anh Võ Trường S, anh Võ Trường T;

1.1. Buộc bà Cao Thị Hoài D và chị Võ Thị Hồng C, chị Võ Thị Hồng Nh, anh Võ Trường Đ, anh Võ Trường S, anh Võ Trường T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Cao Thị Hoài L diện tích đất 3,6 m² trong thửa đất số 32, tờ bản đồ số 78, đất tọa lạc tại ấp PL, xã PV, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận:

- Đối với diện tích 2,6 m²; hướng Đông giáp đất bà L (thửa số 32) dài 3,48 m + 1,23 m; Tây giáp đất ông A, bà D dài 4,63 m; Nam giáp đất ông A, bà D dài 0,83 m; Bắc giáp đất bà L dài 0,18 m.

- Đối với diện tích 1,0 m², hướng Đông giáp đất bà L (thửa số 32) dài 6,23 m; Tây giáp đất ông A, bà D dài 6,22 m; Nam giáp đất bà L dài 0,18 m; Bắc giáp đất bà L (đất lộ giới cách tim đường 22,5 m) dài 0,13 m. (Kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất).

1.2. Buộc bà D, chị C, chị Nh, anh Đ, anh S, anh T phải có nghĩa vụ tháo dỡ, đập bỏ bức tường gạch một đoạn cao 1,83 m x (dài 6,19 m + 3,56 m) x ngang 0,1 m, 01 đoạn cao (2,11 m x dài 1,1 m) x ngang 0,1 m xây dựng trong phần đất tranh chấp diện tích 3,6 m² trong thửa số 32 tờ bản đồ số 78 và thu dọn, di dời ra khỏi phần đất phải trả cho bà L.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Văn A và bà Cao Thị Hoài D đòi bà Cao Thị Hoài L trả diện tích đất 21,1 m² thửa số 32, tờ bản đồ số 78, tọa lạc tại ấp PL, xã PV, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh .

3. Về chi phí tố tụng khác:

- Bà Cao Thị Hoài D phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và sao lục hồ sơ số tiền 4.695.000 (bốn triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn) đồng. Số tiền này bà Cao Thị Hoài L đã thanh toán nên bà D phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L.

- Chi phí đo đạc và thẩm định giá do bà D, ông A yêu cầu Công ty Bình An thực hiện, bà D đã thanh toán xong.

- Bà Cao Thị Hoài L nhận chịu chi phí thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm số tiền 2.000.000 đồng, ghi nhận đã thanh toán xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Cao Thị Hoài D được miễn án phí theo quy định.

- Bà Cao Thị Hoài L không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho bà L tạm ứng án phí bà L đã nộp 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu số 0019064 ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà L không phải chịu; hoàn trả bà L số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0017045 ngày 04 -01 -2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Bà Cao Thị Hoài D được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. Châu Thành;
- CCTHADS h. Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tâm